

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH PHÚ THỌ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/DS -PT
Ngày 31 tháng 10 năm 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Chiên; Việt
Ông Điều Thị Bích Lượ
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 15/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS - ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2024/QĐXX - PT ngày 15 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công C (Tên gọi khác Nguyễn Văn C1), sinh năm 1957; địa chỉ: Khu A, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. *Người đại diện theo ủy quyền của ông C1:* Anh Nguyễn Công S, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu A, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Lê Công Q (Tên gọi khác Lê Văn Q1), sinh năm 1959; địa chỉ: Khu A, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q1: Ông Nguyễn Đức H – Luật sư thuộc Văn phòng L2 – Đoàn luật sư tỉnh P; địa chỉ: SN A, tổ B, khu T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu A, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Anh Nguyễn Công S, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu A, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu A, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. *Người đại diện theo ủy quyền của bà T1:* Ông Lê Công Q (Tên gọi khác Lê Văn Q1), sinh năm 1959; địa chỉ: Khu A, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Quách Hải L – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

- Ủy ban nhân dân xã V, huyện T: Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Công H1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, huyện T. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thế V – Công chức địa chính xã V.

(Ông S, bà T, ông Q1, ông H có mặt; ông Q1, ông H vắng mặt ngày 31/10/2024; ông L, ông V vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị T trình bày: Gia đình ông có 02 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 517648 đứng tên Nguyễn Văn C1: 01 thửa số 55, tờ bản đồ số 03 có diện tích là 630 m² trong đó có 300 m² đất ở và 330m² đất vườn; 01 thửa số 58, tờ bản đồ số 03, diện tích 130 m² (đất vườn). Hai thửa đất cùng ghi trong cùng một cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cách nhau con đường dân sinh. Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 03 thì lại giáp đất gia đình ông Q1, trong khi đó gia đình ông Q1 lại cũng có một thửa đất khác giáp thửa đất số 55 của gia đình ông. Để thuận lợi cho việc sử dụng đất của cả hai gia đình nên năm 1994 ông C1 có đổi thửa đất số 58 của gia đình để lấy thửa đất khoảng 04 thước của gia đình ông Q1. Đất của gia đình ông (ông C1) đã được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn đất của ông Q1 thì ông Q1 nói đã có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giáp ranh đất với gia đình ông và gia đình anh K. Hai bên chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ viết tay hay chứng thực gì của xã, từ đó hai bên vẫn sử dụng. Năm 2012 gia đình có khúc mắc với gia đình anh K về đất mà ông Q1 đổi cho gia đình ông nên gia đình ông đã yêu cầu ông Q1 xác nhận ranh giới mảnh đất đã đổi nhưng ông Q1 không xác nhận được ranh giới và được biết đất ông Q1 đổi cho gia đình ông là đất khai hoang không phải đất có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông Q1 nói khi đổi nên không xác nhận và sang tên giấy tờ được. Vì thế gia đình ông đã trả mảnh đất cho ông Q1 và yêu cầu ông Q1 trả lại cho gia đình ông thửa đất số 58, diện tích 130m², từ năm 2012 đến năm 2020 ông Q1 không nói gì. Chính vì vậy, gia đình ông đã làm đơn đến UBND xã V giải quyết nhưng không thành và đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu ông Q1 trả lại thửa đất số 58, diện tích 130m² mà hiện nay ông Q1 đang sử dụng.

Ngày 21/11/2023 bà T khai bổ sung: Quyền sử dụng đất thửa số 58, tờ bản đồ số 3, bản đồ 299 có diện tích 130m² đã được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A517648 ngày 30/7/1991 mang tên ông C1. Thửa đất này giáp đường dân sinh và giáp đất nhà ông Q1, theo tờ bản đồ gia đình ông vẫn sử dụng từ lâu cho đến khi đổi đất cho ông Q1(1994). Do thửa đất giáp đường cách nhà ở của gia đình ông nên ông chỉ trồng cây cối không có giá trị trừ cây Sấu thì có giá trị. Khi chưa đổi đất thì gia đình ông Q1 có một lối đi ra đường dân sinh giáp về phía đất nhà bà L1 không đi qua đất thửa số 58 của nhà ông, còn thửa đất của gia đình ông Q1 thửa đất số 55, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299) phía sau. Trên đất của gia đình ông Q1 có công trình hay cây cối lâm lộc gì. Khi đổi đất thì hai bên không có văn bản gì, đất của gia đình ông thì đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mốc giới, diện tích rõ ràng còn đất của gia đình ông Q1ng Q1 là 96m², ông Q1 đã được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì tin tưởng nhau lại là anh em nên ông không kiểm tra giấy tờ, mốc giới, xác định hai bên đổi ngang bằng. Do gia đình ông Q1 đổi, không nói đúng sự thật về

nguồn gốc đất, sau này tôi được biết đất của gia đình ông Q1 là đất vỡ hoang, không có ranh giới cụ thể và khi gia đình bà sử dụng thì có tranh chấp với gia đình anh Kg khi hỏi ông Q1 ông Q1 không chỉ được cụ thể mốc giới và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo tờ bản đồ thì đất của gia đình ông Q1 có 45m² chứ không như ông Q1 là 96 m² nên gia đình bà đã trao đổi với ông Q1 ông đổi nữa mà trả lại cho ông Q1 gia đình bà không sử dụng nữa nhưng ông Q1 trả lại đất cho gia đình bà. Chính vì lý do đó bà yêu cầu ông Q1 lại đất cho gia đình bà thửa số 58 vì hiện nay ông Q1 đang sử dụng. Khi ông Q1 ông Q1 lối đi ra đường dân sinh qua một phần đất phía nhà bà L1 xây tường công trồng cây cối lâm lộc trên đất, riêng cây Sấu vẫn là của gia đình bà. Phần đất giáp đường dân sinh và gia đình ông Q1 công bờ rào thì vẫn giữ nguyên để gia đình ông Q1 sử dụng còn phần tiếp theo mà theo sơ đồ đo đạc ngày 18/10/2023 trên đất có cây cối thì gia đình ông Q1 thu dọn trả lại đủ 130m² đất cho gia đình bà. Riêng cây Sấu của gia đình bà, nếu ông Q1 thì gia đình bà chấp nhận cho ông Q1 ông Q1 chặt bỏ đi trả đất. Do lối đi là đường đất, nhỏ nên các hộ dân cũng chẳng ai biết mốc giới đường đến đâu, chỉ biết có cây cối sử dụng thì vận động, chính vì thế khi mở rộng đường tưởng là đất của gia đình ông Q1, sau họ phát hiện là của nhà bà (thửa số 58) thì họ lại vận động gia đình bà thì gia đình bà cũng nhất trí. Đến khi Tòa án đo đạc thì thực tế nhà nước mở rộng đường cũng chẳng lấy vào đất của nhà ai nên đất của gia đình bà phía giáp mặt đường vẫn đủ 130m², còn đất của gia đình ông Q1 thừa, chứ đất của gia đình ông Q1 thiếu nữa, ông Q1 trả đủ cho gia đình bà 130m².

Bị đơn là ông Lê Công Quý khác: Lê Văn Q1) trình bày: Quan hệ giữa ông và ông C1 con bá con cậu. Khoảng năm 1994 gia đình ông có thửa đất cạnh ruộng nhà ông C1, sau đó ông C1 ao thì gia đình ông có đổi thửa đất này cho gia đình ông C1 lấy thửa đất số 58, tờ bản đồ số 3, diện tích 130 m². Đất của gia đình ông C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 517648 đứng tên ông C1, đất đổi cho ông C1 gia đình ông là đất vỡ hoang nhưng có tên trên bản đồ địa chính chứ không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 96m², khi đổi đất chỉ nói với nhau không có văn bản gì. Sau khi đổi đất gia đình ông sử dụng thửa số 58 của ông C1 gia đình ông C1 dùng đất vỡ hoang của gia đình ông. Khoảng năm 1996, 1997 Ủy ban nhân dân xã Chủ trương mở rộng đường giao thông nông thôn, khu và xã có mời gia đình ông và gia đình ông C1 vận động hiến đất làm đường ở thửa đất số 58, hai gia đình đồng ý hiến cho khu để mở rộng đường đất, sau này lại mở rộng đường đổ bê tông, hiện nay con đường rất rộng khoảng hơn 6m nên diện tích đất thửa số 58 không còn đủ 130m² như ban đầu. Đến năm 2017 gia đình ông C1 mâu thuẫn với gia đình ông K Kát cạnh thửa đất gia đình ông đổi cho ông C1) nên ông C1 đồng ý đổi đất như thoả thuận ban đầu mà đòi lại thửa đất số 58 đã đổi cho ông. Khi đổi đất đều được sự đồng ý của vợ chồng ông. Việc hiến đất làm đường đều thống nhất của gia đình ông và gia đình ông C1. Nay ông C1 đổi đất nữa mà yêu cầu gia đình ông trả lại đất đã đổi thửa số 58, ông đồng ý trả nhưng phải trừ đi diện tích đất mà đã hiến đất làm đường nông thôn như ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông (82m²) còn trả lại 48m² và ông lấy lại thửa đất của ông đã đổi cho ông C1.

Ngày 29/11/2023 ông Q1 bổ sung: Khi đổi đất thì thửa đất của gia đình ông với thửa đất 58 của gia đình ông C1 nhau cũng không có xây dựng tường bao mà chỉ trồng các cây cối không có giá trị. Giáp đường dân sinh thì gia đình ông có một

lối đi từ nhà ra giáp về phía nhà bà Lng cụ thể bao nhiêu mét thì không đo đạc, tiếp theo là thửa đất số 58 của gia đình ông Cly theo mép đường dân sinh cho đến hết đất của gia đình ông. Năm 1994, gia đình ông và gia đình ông C1 đất cho nhau để tiện sử dụng thì ông có mở rộng lối đi vào đất của gia đình ông C1ng cũng không cụ thể bao nhiêu mét mặt đường, còn lại vẫn là đất của gia đình ông Cly dọc mặt đường, phía trong đất của gia đình ông C1đất của gia đình ông. Còn diện tích đất của gia đình ông đổi cho ông C1đất vỡ hoang không có giấy tờ gì nhưng khi đổi cho ông C1 áng khoảng 96m² chứ không đo đạc gì. Khi đổi cho gia đình ông C1 có nói là có giấy tờ nên ông C1g ý đổi ngang bằng, sau này gia đình ông C1hỏi ông về giấy tờ đất thì ông nói là chưa làm được giấy tờ và khi gia đình ông C1dụng thì có khúc mắc ranh giới đất với gia đình anh Kgia đình ông C1 không đổi nữa, ông cũng nhất trí nhận lại và trả lại đất cho gia đình ông C1ng gia đình ông C1 đủ 130m² của thửa số 58 thì ông không nhất trí. Theo bản đồ địa chính thì diện tích đất của gia đình ông đổi cho ông C1thửa số 60 diện tích 45m² giáp với thửa đất số 55 của gia đình ông C1, việc nhà nước ghi diện tích 45m² thì ông không biết chỉ biết khi đổi cho ông C1 áng là 96m², do cả đất của gia đình ông và gia đình ông C1 là đất vườn nên không phải đóng thuế vì thế không đo đạc kiểm tra gì. Trên đất của ông không có gì còn đất của gia đình ông C1ng có công trình và chỉ có một số cây cối không có giá trị nên ông đã chặt bỏ trồng cây mới như số cây mà Hội đồng định giá đã kiểm đếm ngày 18/10/2023. Từ lâu con đường dân sinh là đường đất, rất nhỏ ông không nhớ năm nào nhưng sau khi gia đình ông đổi đất cho gia đình ông C1 có vận động mở rộng đường, ông đồng ý nhưng diện tích đất đổi cho gia đình ông C1a nhập vào bìa đồ của gia đình ông nhưng ông vẫn đang sử dụng nên ông Đltịch UBND xã Các nhận vào bìa đất của ông là hiến 82m² (thực tế chính là đất của gia đình ông Chí Đ ông thửa số 58). Sau đó lại tiếp tục mở rộng đường dân sinh thì gia đình ông và gia đình ông C1 đồng ý hiến đất cho khu nhưng cụ thể bao nhiêu mét vuông không rõ, không có biên bản, chúng tôi không có thắc mắc gì. Trước kia đường dân sinh là đường đất ở nông thôn nên ông cũng chẳng biết lộ giới đường đến đâu nhưng khi trồng cây cối chẳng thấy ai thắc mắc gì.

Việc gia đình ông C1i kiện đòi lại đất thửa số 58 với diện tích 130m², ông đồng ý trả lại nhưng ông chỉ trả 48m² còn 82m² đã hiến đất làm đường. Theo sơ đồ đo đạc ngày 18/10/2023 ghi từ điểm cổng nhà ông về hết đất theo mặt đường ông không thắc mắc gì nhưng đo vào đất nhà ông để đủ 130m² thì ông không đồng ý ký vào biên bản hiện trạng. Ông chấp nhận nhận lại đất của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Quách Hải L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Tlà huyện T) đã cấp cho ông Nguyễn Văn C1uyễn Công C) ngày 30/7/1991 có 02 thửa đất 55, tờ bản đồ số 3, diện tích 630m² và thửa đất số 58, tờ bản đồ 03, diện tích 130m². Ông Cnhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng không có ý kiến.

Trong quá trình sử dụng đất ông Công Q1 ý chuyển đổi quyền sử dụng đất của thửa đất số 58, tờ bản đồ 03, diện tích 130m² cho nhau, không có giấy tờ và không thực hiện thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông Công Q1.

Khoảng năm 2014, Ủy ban nhân dân xã C là xã V) có chủ trương mở rộng đường liên thôn và vận động nhân dân hiến đất làm đường, trong đó có gia đình ông Q1. Việc hiến đất làm đường do Ủy ban nhân dân xã V người dân đồng ý, thực hiện xong và không báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

Thửa đất số 54 tờ bản đồ số 3, khu A, xã Viện tích tăng 242,8m² (chưa tính diện tích đất tại thửa đất số 58) là do sai số đo đạc, và cách tính diện tích tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì hình thửa thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3 hiện tại so với bản đồ “299” là không thay đổi, ranh giới giữa các nhà ổn định, không tranh chấp, các hộ gia đình cam kết chưa tặng cho, chuyển nhượng và chưa tự ý điều chỉnh ranh giới lần nào. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã V, hộ ông Q1g Cnhất trí hiến đất làm đường vào năm 1998, với diện tích là 82m² theo bản đồ “299” thì diện tích còn lại là 48m². Còn trên thực địa chưa xác định, cụ thể, chưa tổ chức đo đạc phần diện tích còn lại của thửa đất.

Việc thu hồi đất này chưa được cấp có thẩm quyền quyết định, việc đính chính sau bìa của ông Nguyễn Xuân Đ1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C là xã V) vào năm 1998 là không phù hợp, không đúng thẩm quyền.

Ông Hà Thế Vng chức Địa chính xã V, huyện Th bày: Quyền sử dụng đất của ông Lê Văn Q1Lê Công Q) thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 3, có diện tích 975m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A517615 ngày 30/7/1991; Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn C102 thửa: 01 thửa số 55, tờ bản đồ số 3, có diện tích 630m² (trong đó có 300m² đất ở, 330m² đất vườn); 01 thửa số 58, tờ bản đồ số 3, diện tích 130m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi là đất gì thì được hiểu là đất trồng cây lâu năm (đất vườn).

Thể hiện tại tờ bản đồ số 3 thì thửa đất số 55 có diện tích 630m² là một bên đường dân sinh, còn thửa số 58 có diện tích 130m² ở một bên đường dân sinh và án ngữ gần toàn bộ phía trước (phía đường) đất của gia đình ông Q. Tuy nhiên khi hai hộ (ông Qg C1) đổi đất cho nhau như nào địa phương không rõ vì tự đổi cho nhau không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã. Vì vậy, ngày 05/10/1998, ông Nguyễn Xuân Đ1ên Chủ tịch UBND xã Cnhận: UBND xã cắt đất làm đường giao thông nông thôn 82m², diện tích thổ cư ông Lê Văn Q1ại là 893m². Việc xác nhận này của ông Đ1không có căn cứ vì giáp đường dân sinh là thửa số 58 của ông C1 không phải của ông Q1ếu có hiến đất thì phải là của ông C1. Đồng thời ông Đ1 không có quyền xác nhận như vậy vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q1 thẩm quyền). Theo diện tích đất đo đạc hiện nay ngày 18/10/2023 thì diện tích đất của ông Q1ên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 242,8m² (chưa tính diện tích đất của ông C1 thửa số 58).

Để ổn định việc đi lại cho gia đình ông Q1ờng dân sinh tránh tình trạng phát sinh vụ kiện khác thì theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất đo ngày 18/10/2023 nếu ông Q1 trả lại quyền sử dụng đất cho ông C1 địa phương đề nghị theo sơ đồ đo đạc là phù hợp. Tờ bản đồ số 3 (năm 2001) là in sao lại tờ bản đồ năm 1987. Theo sơ đồ thể hiện tại tờ bản đồ này thì trước khi hai gia đình đổi đất cho nhau gia đình ông Q1ó lối đi ra đường dân sinh chứ không phải thửa số 58 của gia đình ông Chí chắn toàn bộ, nay hai gia đình đổi đất cho nhau thì gia đình ông Q1ng lối đi ra đường dân sinh.

Lời khai của những người biết sự việc và xác minh tại địa phương:

Ông Nguyễn Xuân Đ1h bày: Thời kỳ năm 1998 ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C xã V), huyện T gian đó con đường dân sinh là đường đất nhỏ, không tiện cho việc sinh hoạt, đi lại của dân nên cần mở rộng đường dân sinh. Khi vận động dân hiến đất mở rộng đường dân sinh thì cần mở về phía nhà ông Q1on đường thẳng vì đoạn đường này bị cong. Thực tế lúc đó đường đi thì nhỏ, dân trồng cây cối ra sát đường nhưng cũng không rõ mốc giới hành chính đường của Nhà nước đến đâu, đất của dân đến đâu, do lịch sử để lại quản lý đất đai không chặt chẽ nên khi vận động mở rộng đường thì thấy gia đình ông Q1ng nên mới vận động gia đình ông Q1 kỳ đó giữa gia đình ông Q1a đình ông C1 đất cho nhau không qua chính quyền địa phương nên không biết, lại là đất của gia đình ông C1). Do vận động nên cũng không kiểm tra bản đồ địa chính nên nhầm tưởng đất của ông Q1o đặc mở rộng đường vào phía nhà ông Q1inh là 82m² nên ông mới xác nhận như vậy. Cụ thể ông ghi “Ngày 05/10/1998 UBND xã Cđất làm đường giao thông nông thôn 82m², diện tích thổ cư Lê Văn Q1ại là 893m² và ký đóng dấu Ủy ban nhân dân xã Cđất chức danh: Chủ tịch Nguyễn Xuân Đ1giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q1. Việc ông xác nhận như vậy vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q1rên thực tế ông cũng không kiểm tra bản đồ, sổ sách mà theo ý chí chủ quan tưởng gia đình ông Q1sử dụng thì là đất của ông Q1 kỳ đó đất đai ai sử dụng thì hiệu của người đó nên nếu ông kiểm tra bản đồ thì ông không xác nhận như vậy. Do đó, nếu căn cứ vào bản đồ địa chính thì việc ông xác nhận là không có căn cứ và ông cũng không có thẩm quyền được xác nhận (nếu lấy đất của dân phải tuân thủ các quy định, quy trình thu hồi đất mới đúng pháp luật).

Khi ông xác nhận thì ông thấy gia đình ông Q1i vẫn ra đường dân sinh này, không thấy có lối đi nào khác. Nay ông được xem hiện trạng đo đạc ngày 18/10/2023 và bản đồ địa chính do Ủy ban nhân dân xã V cấp thì ông mới biết đất giáp đường dân sinh phía nhà ông Q1là đất của ông C1 (số 58, diện tích 130m²), nên nếu kiểm tra bản đồ địa chính thì phải xác nhận cho gia đình ông C1ng do hai gia đình đôi đất cho nhau địa phương không biết nên nhầm tưởng của ông Q1o đặc hiện nay thì việc mở rộng đường dân sinh cũng chẳng phải lấy đất của hộ nào vì quy hoạch đường dân sinh lâu dài rất rộng thì cả khi mở rộng đường đổ bê tông thì đất của gia đình ông C1 còn đủ, đất của gia đình ông Q1hừa. Đây là công tác quản lý đất đai của ông còn chưa hết trách nhiệm, thiếu sự kiểm tra. Do đó ông đề nghị Toà án xem xét việc xác nhận của ông vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q1đảm bảo quyền lợi chính đáng cho gia đình ông Q1a đình ông C1g tranh chấp.

Ông Hán Minh Đ2nh bày: Thời kỳ từ năm 2011 đến 2014 ông làm công tác Tư pháp, hộ tịch xã Ckhi tham gia công tác vận động hiến đất mở đường khu dân cư ông nắm được. Cụ thể: Đường bê tông hiện nay khu đang sử dụng từ lâu đã có con đường để dân đi lại nhưng rất nhỏ, sau nhiều lần mở rộng thì đường rộng như hiện nay. Đường này nếu không căn cứ vào giấy tờ của Nhà nước quản lý thì tưởng con đường chạy qua một bên là đất của ông Q1ên là đất của ông C1 2003 do giữa gia đình ông C1gia đình ông Q1u thuận với nhau về đất đai nên Ủy ban nhân dân xã đã đến xác định thì đất của nhà ông Q1rong đường, tiếp giáp đất của ông Q1iá mặt đường lại là đất của ông Chí.

Lý do ông Q1t này là do giữa ông Q1g Chí đổi đất cho nhau như nào không biết đến khi mâu thuẫn mới biết. Chính vì tương thừa đất số 58, tờ bản đồ số 3 của ông Q1hi vận động ông Q1ở rộng đường thì ông Q1ý, khi phát hiện ra đất của ông C1 đã mời vợ chồng ông C1 vận động thì vợ chồng ông C1g ý cho mở rộng đường. Khoảng năm 2013, 2014 khu dân cư mở rộng đường làm đường bê tông thì đã được ông C1nguyện để mở rộng đường đổ bê tông như bây giờ. Chính vì ông C1ông Q1ông ý tự nguyện nên từ đó đến nay không có ai khiếu kiện, khiếu nại thắc mắc gì tới khu dân cư hay UBND xã hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào. Việc gia đình ông C1nguyện giao đất để mở rộng đường cụ thể bao nhiêu mét vuông không nhớ được, phải đo đạc mới biết được. Nay ông C1ông Q1 chấp đất là do đổi đất cho nhau không liên quan đến việc mở rộng đường khu dân cư.

Ông Nguyễn Bá T2h bày: Tại thời điểm làm đường bê tông khoảng 7 đến 8 năm nay, ông đang là Trưởng khu hành chính và hiện nay ông vẫn đang là Trưởng khu hành chính Khu 15, xã V, huyện T gia đình ông C1gia đình ông Q1lật cho nhau như nào thì ông không biết. Khi làm đường bê tông thì có mắc tới đất của ông Q1g C1 đó mới biết hai gia đình đổi đất cho nhau. Khi có ý kiến của ông C1ông Q1ông thuận hiến đất, ngoài hiến đất chỗ khác thì có đất của thửa số 58, tờ bản đồ số 3 là đất của ông C1 nhà nhất trí hiến chiều dài khoảng 30m, chiều rộng theo mặt đường chỗ vài phân, chỗ khoảng 30cm, ngoài ra hai hộ còn hiến cho khu dân cư làm đường rãnh nước rộng 40 cm nhưng khu dân cư chưa làm. Khi hiến đất không lập biên bản gì nhưng do sự đồng thuận nên từ đó đến nay không xảy ra khiếu kiện gì. Nay hai bên xảy ra tranh chấp là do đổi đất cho nhau không có nội dung liên quan đến hiến đất làm đường dân sinh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS- ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2,9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 115, khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 579 của Bộ luật dân sự; Điều 166, 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công Cn gọi khác Nguyễn Văn C1).

Xử: Buộc ông Lê Công Qgọi khác: Lê Văn Q1 trả lại cho gia đình ông Nguyễn Công Cn gọi khác: Nguyễn Văn C1 quyền sử dụng đất thửa số 58, tờ bản đồ số 3, có diện tích 130m² (ký hiệu S₂) theo chỉ giới 1', 2', 3', 6, 7, 8, 9, 4' 1'.

Buộc ông Lê Công Qgọi khác: Lê Văn Q1 tháo dỡ, thu dọn toàn bộ công trình, cây cối lâm lộc trên diện tích đất thửa số 58, tờ bản đồ số 3, có diện tích 130m² (ký hiệu S₂) theo chỉ giới 1', 2', 3', 6, 7, 8, 9, 4' 1' để trả lại mặt bằng đất cho gia đình ông Chí.

(Theo trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất lập ngày 18/10/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện Tam Nông)

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 10/8/2023 ông Lê Công Q gọi khác Lê Văn Q1 bị đơn có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS- ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Công Q gọi khác Lê Văn Q1 từ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

Luật sư Nguyễn Đức H vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, người làm chứng... để xem xét, quyết định. Và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS- ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Q1 bản án số 11/2023/DS-ST ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo hướng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Chí.

Buộc ông Lê Công Q Lê Văn Q1 trả lại phần diện tích 48m² thuộc thửa đất số 58 tờ bản đồ số 3 thuộc khu A, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ ông C1 di dời cây cối trên phần diện tích đất trả lại cho ông C1.

Án phí: Ông Lê Công Q Lê Văn Q1 ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

(Chi tiết bài phát biểu được lưu trong hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của ông Lê Công Q gọi khác Lê Văn Q1 thực hiện trong thời hạn quy định nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Công Q gọi khác Lê Văn Q1), Hội đồng xét xử xét thấy: Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự đều thừa nhận năm 1994 gia đình ông C1 gia đình ông Q1i đất cho nhau. Ông C1 thừa đất số 58, tờ bản đồ 3, diện tích 130m² cạnh thửa đất nhà ông Q1 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ông Q1 thừa đất theo lời khai của ông Q1 thừa đất có diện tích là 96m², tuy nhiên trên thực tế thửa đất có 45m² có trên bản đồ, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Q1g C1 sử dụng thửa đất nêu trên từ khi đổi đất năm 1994 đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn với anh KKh thừa đất giáp ranh với thửa đất nhà ông C1g sử dụng (nguồn gốc đất của ông Q1), nên hai bên gia đình không đổi đất cho nhau nữa.

Đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ 3, diện tích 130m² các đương sự đều thừa nhận hình thù thửa đất được chạy dọc theo con đường vào xóm. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng trình bày, thửa đất gia đình nhà nguyên đơn chạy dọc theo con đường vào xóm, con đường này trước đây là do gia đình nhà nguyên đơn hiến toàn bộ con đường này. Còn thửa đất số 58, tờ bản đồ số 3, diện

tích 130m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang tranh chấp có các cạnh: chiều rộng một đầu là 2,5m, một đầu là 3m; chiều dài một cạnh là 37m, một cạnh là 36m, có tổng diện tích là 130m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 03/5/2024 ông Sdiện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày khoảng năm 2012 – 2014 gia đình ông hiến đất làm đường chỗ khoảng 3,5m đến 40cm kéo dài hết thửa đất. Lời khai của nguyên đơn tại (BL 110) thể hiện “...Do lối đi là đường đất, nhỏ nên các hộ dân cũng chẳng ai biết mốc giới đường đến đâu, chỉ biết có cây cối sử dụng thì vận động, chính vì thế khi mở rộng đường tưởng là đất của gia đình ông Q1 phát hiện là của nhà ông (thửa số 58) thì họ lại vận động gia đình ông thì gia đình ông cũng nhất trí...”. Điều này, phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Bá T2 thể hiện tại (BL số 67) : “... Tại thời điểm làm đường bê tông khoảng 7 – 8 năm nay ông là trưởng khu hành chính, hiện nay ông đang là trưởng khu hành chính... Sau khi vận động thì ông Clông Q1 ông ý hiến đất, ngoài đất hiến khác thì có đất của thửa đất số 58, tờ bản đồ số 3 là đất của ông Chí Đ ông Q1 đã nhất trí hiến chiều dài khoảng 30m theo mặt đường, chiều sâu chỗ khoảng vài phân, chỗ khoảng 30cm. Ngoài ra 2 hộ còn đồng ý hiến đất cho khu làm rãnh nước rộng khoảng 40cm nhưng khu chưa làm. Việc hiến đất có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã, khu dân cư và đồng thuận của 2 hộ nên không lập biên bản gì...”. Tại (BL 66) lời khai của ông Hán Minh Đ2 chỉ: khu A, xã V, huyện T Đường bê tông như hiện nay khu dân cư đang sử dụng trước kia từ lâu đã có con đường để dân đi lại nhưng rất nhỏ, sau nhiều lần mở rộng thì đường này rộng hơn như hiện nay... Thời gian năm 2011 – 2014 ông làm công tác Tư pháp hộ tịch của xã C quá trình giải quyết tham gia nội dung này cùng với khu dân cư nên ông nắm được việc tự nguyện cho đất mở rộng đường của gia đình ông Clgia đình ông Q1...”. Như vậy, đương sự và các nhân chứng là Trưởng khu dân cư, Tư pháp xã C là Vạn Xkhăng định có việc hiến đất để làm đường tuy nhiên không lập biên bản về việc này.

Đối với việc ông Nguyễn Xuân Đ1 chỉ: Khu A, xã V, huyện T - Nch Ủy ban nhân dân xã C (BL 107) thể hiện: “ Thời gian đó con đường dân sinh chạy giữa một bên là đất của gia đình ông Cl bên là đất của gia đình ông Q1 con đường dân sinh (đường đất nhỏ) không tiện cho việc sinh hoạt, đi lại của dân nên cần mở rộng đường dân sinh. Khi vận động dân hiến đất mở rộng đường thì cần mở và về phí nhà ông Q1 on đường thẳng những đoạn đường đó bị cong... Khi vận động mở rộng đường thì thấy gia đình ông Q1 hồi kỳ đó giữa ông Q1 g Cl đối đất cho nhau không qua chính quyền địa phương nên không biết là đất của ông Cl vậy không kiểm tra bản đồ địa chính nên nhầm tưởng đất của ông Q1 o đạc mở rộng vào phía nhà ông Q1 ịnh là 82m nên ông mới xác nhận như vậy... Nay tôi được xem hiện trạng đo đạc ngày 18/10/2023 và Bản đồ xã V cấp thì mới biết giáp đường dân sinh về phía nhà ông Q1 t nhà gia đình ông Cl ửa đất số 58, diện tích 130m². Nếu kiểm tra bản đồ thì tôi phải xác nhận cho gia đình ông Cl phải chứ không phải xác nhận cho gia đình ông Q1 vận động mở rộng đường... ”.

Tại Văn bản số 908 UBND- TNMT ngày 25/10/2024 và văn bản 1930/UBND - TNMT ngày 25/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tuan điểm : “ 1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ủy ban nhân dân huyện T là Táp cho ông Nguyễn Văn Cl y 30/7/1991 có 02 thửa đất số 55, tờ bản đồ 03, diện tích 630 và

thửa đất số 58, tờ bản đồ 03, diện tích 130m². Ông C nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng không có ý kiến gì.

Trong quá trình sử dụng ông C ông Q1 ý chuyển đổi quyền sử dụng đất của thửa đất số 58, tờ bản đồ 03, diện tích 130m² cho nhau, không có giấy tờ và không thực hiện thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất.

2. Khoảng trước năm 2014, UBND xã C là xã V chủ trương mở rộng đường liên thôn và vận động nhân dân hiến đất làm đường, trong đó có gia đình ông Q1 hiến đất làm đường là do UBND xã V người dân đồng ý, thực hiện xong và không báo cáo UBND huyện... ”.

“...Thửa đất số 54 tờ bản đồ số 3, khu A, xã V diện tích tăng 242,8m² (chưa tính diện tích đất tại thửa đất số 58) là do sai số đo đạc, và cách tính diện tích tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì hình thửa thửa đất số 54, tờ bản đồ số 3 hiện tại so với bản đồ “299” là không thay đổi, ranh giới giữa các nhà ổn định, không tranh chấp, các hộ gia đình cam kết chưa tặng cho, chuyển nhượng và chưa tự ý điều chỉnh ranh giới lần nào. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã V ông Q1g C1 nhất trí hiến đất làm đường vào năm 1998, với diện tích là 82m² theo bản đồ “299” thì diện tích còn lại là 48m². Còn trên thực địa chưa xác định, cụ thể, chưa tổ chức đo đạc phân diện tích còn lại của thửa đất...”

Như vậy, các đương sự, nhân chứng và chính quyền địa phương đều thừa nhận con đường đi vào thôn, xóm nhỏ sau đó có chủ trương mở rộng đường liên thôn và vận động nhân dân hiến đất làm đường, trong đó có gia đình ông Q1g C1u này cũng phù hợp với xác lời khai và xác nhận của ông Nguyễn Xuân Đ1 chỉ: Khu A, xã V, huyện T - Nch Ủy ban nhân dân xã C xác nhận vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Q1 lời khai tại (BL 107) “...Khi đo đạc mở rộng vào phía nhà ông Q1 lnh là 82m² nên ông mới xác nhận như vậy...”. Theo lời khai của các đương sự và người làm chứng và ông Đ1 khi phát hiện ra thửa đất hiến làm đường không phải của ông Q1 hình quyền địa phương có vận động gia đình ông C1n đất và được ông C1g ý”. Việc ông Đ1 vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q1 ông đúng, nhưng việc hiến đất để mở rộng con đường đi vào thôn đã được các đương sự, người làm chứng và chính quyền địa phương xác nhận. Theo bản đồ 299 thì thửa đất số 58 tờ bản đồ số 3 nằm ngoài thửa đất của gia đình ông Q2 dọc theo đường liên thôn, sau đó mới đến thửa 55 của gia đình ông Q1ên diện tích đất hiến làm đường là thửa đất số 58 là của gia đình ông Nguyễn Công C không phải của ông Q1 thời, kể từ thời điểm hiến đất là năm 1998 đến nay, gia đình ông Cng có bất kỳ khiếu nại nào về việc hiến đất làm đường. Qua đó, có đủ cơ sở khẳng định gia đình ông Cg thuận với gia đình ông Q1 việc hiến đất để làm đường liên thôn.

Như vậy, diện tích đất là 130m² đã hiến làm đường 82m², còn lại 48m². Vì vậy, buộc ông Nguyễn Công Q3 trả cho gia đình ông Nguyễn Công C² đất trồng cây lâu năm có chỉ giới 3,2,15,16,3 (sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Lê Công Q gọi khác: Lê Văn Q1 tháo dỡ, thu dọn toàn bộ, cây cối lâm lộc trên diện tích đất tại thửa số 58, tờ bản đồ số 3, có diện tích 48m² (ký hiệu S₂) theo chỉ giới 3,2,15,16,3 để trả lại mặt bằng đất cho gia đình ông Chí.

Đối với diện tích đất còn lại của gia đình ông Cy dài theo chiều dài của con đường liên thôn. Tại (BL 107) ông Nguyễn Xuân Đ1uyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C là V xác nhận ông thấy gia đình ông Q1i vẫn con đường dân sinh này, không thấy có lối đi nào khác. Do vậy, diện tích đất để trả cho gia đình ông Ca công cần

được lấy vào diện tích đất của gia đình ông Q1 số diện tích đất còn lại là 48m² của gia đình ông C đình ông Q1 có đường ra đường liên thôn là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Công Q gọi khác Lê Văn Q1). Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Công Quyện chịu chi phí thẩm định, định giá lại, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo được chấp nhận ông Lê Công Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Công Q gọi khác Lê Văn Q1). Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 2,9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 115, khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 579 của Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công Cn gọi khác Nguyễn Văn C1).

Buộc ông Lê Công Q gọi khác: Lê Văn Q1 trả lại cho gia đình ông Nguyễn Công Cn gọi khác: Nguyễn Văn C1² thửa đất số 58, tờ bản đồ số 3 với diện tích 48m² có chỉ giới 3,2,15,16,3 (*sơ đồ kèm theo*).

Buộc ông Lê Công Q gọi khác: Lê Văn Q1 tháo dỡ, thu dọn toàn bộ, cây cối lâm lộc trên diện tích đất tại thửa số 58, tờ bản đồ số 3, có diện tích 48m² (ký hiệu S₂) theo chỉ giới 3,2,15,16,3 để trả lại mặt bằng đất cho gia đình ông Nguyễn Công Chí.

[2]. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Công Quyện chịu chi phí thẩm định, định giá lại, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Lê Công Q gọi khác Lê Văn Q1 miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND H. Tam Nông;
- Chi cục THADS H. Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Thị Thu Huyền